

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Quý 3/2010

Nơi nhận Báo cáo :

Sở Giao dịch Chứng khoán- TP Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội- Lê Hồng Phong- Hải Phòng

Kỳ Báo cáo : Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

NỘI DUNG	Trang
- Bảng cân đối kế toán	02-03
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	04
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	05
- Thuyết minh báo cáo tài chính	06-19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty mẹ

Kỳ báo cáo: **Quý III/2010**

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		118.012.667.719	87.096.788.752
110	I. Tiền và tương đương tiền		1.610.967.887	3.060.130.939
111	1. Tiền	3.	1.610.967.887	3.060.130.939
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.	38.648.344.453	39.705.840.053
121	1. Đầu tư ngắn hạn		38.648.641.895	41.824.478.053
129	2. TK 129- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(297.442)	(2.118.638.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.970.043.756	30.033.940.975
131	1. Phải thu khách hàng		3.121.162.887	3.090.226.042
132	2. Trả trước cho người bán		3.724.960.511	5.950.697.121
135	5. Các khoản phải thu khác	5.	58.364.083.792	20.993.017.812
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.240.163.434)	-
140	IV. Hàng tồn kho		7.572.304.660	11.809.595.201
141	1. Hàng tồn kho	6.	7.572.304.660	11.809.595.201
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.211.006.963	2.487.281.584
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.601.951.222	1.494.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		229.472.144	1.326.369.682
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.220.166.671	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.159.416.926	1.159.416.926
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		466.192.186.382	468.630.279.496
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		61.045.521.466	40.882.403.627
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7.	170.000.000	200.000.000
222	- Nguyên giá		200.000.000	200.000.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(30.000.000)	-
230	4. Chi phí XDCB dở dang	8.	60.875.521.466	40.682.403.627
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.	405.146.664.916	410.432.759.930
251	1. Đầu tư vào Công ty con		321.918.236.187	365.168.236.187
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		67.605.005.000	56.355.005.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		25.624.251.523	25.624.251.523
259	4. Dự phòng giảm giá Đtr CK dài hạn (*)		(10.000.827.794)	(36.714.732.780)
260	V. Lợi thế thương mại		-	-
270	VI. Tài sản dài hạn khác		-	17.315.115.939
271	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	17.315.115.939
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác			
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		584.204.854.101	555.727.068.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Công ty mẹ

Kỳ báo cáo: Quý III/2010

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		104.770.948.622	130.817.515.417
310	I. Nợ ngắn hạn		101.324.361.393	128.025.490.412
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10.	9.789.347.846	11.903.223.848
312	2. Phải trả người bán		1.409.740.290	1.277.568.547
313	3. Người mua trả tiền trước		1.459.598.931	2.129.328.333
314	4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước		771.000.693	781.370.728
315	5. Phải trả người lao động		-	171.000
316	6. Chi phí phải trả	12.	79.859.495	194.193.548
319	7. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	13.	88.757.214.106	95.156.325.060
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	17.410.709.316
	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(942.399.968)	(827.399.968)
320	II. Nợ dài hạn		3.446.587.229	2.792.025.005
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		654.562.224	
334	4. Vay và nợ dài hạn	14.	2.395.123.500	2.395.123.500
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		396.901.505	396.901.505
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	15.	479.433.905.479	424.909.552.831
410	I. Vốn chủ sở hữu		479.433.905.479	424.909.552.831
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		186.516.780.000	186.516.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		247.782.548.671	247.782.548.671
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(545.604.588)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		44.271.598.932	44.271.598.932
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.528.042.732	4.528.042.732
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		905.725.144	(53.073.022.916)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		584.204.854.101	555.727.068.248

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Phạm Văn Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty mẹ

Quý III/2010

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2010	Quý III/2009	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
01	1. Doanh thu bán hàng và C/cấp Dvụ		3.360.255.183	5.505.377.745	3.360.255.183	63.060.206.386
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		15.999.949	30.123.133	15.999.949	168.905.999
10	3. Dthu thuần về bán hàng và C/cấp Dvụ		3.344.255.234	5.475.254.612	3.344.255.234	62.891.300.387
11	4. Giá vốn hàng bán		3.360.255.183	5.229.941.263	3.360.255.183	62.560.376.270
20	5. L/nhuận gộp về bán hàng và C/cấp DV		(15.999.949)	245.313.349	(15.999.949)	330.924.117
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.	141.347.049	1.030.397.454	7.568.176.274	2.781.111.123
22	7. Chi phí tài chính	19.	-	(23.362.824.200)	(42.948.247.046)	(33.600.440.881)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	404.952.928	590.146.467	1.687.241.467
24	8. Chi phí bán hàng		-	32.618.047	-	440.449.963
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.251.661	1.444.220.788	3.157.541.671	6.298.894.960
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD		115.095.439	23.161.696.168	47.342.881.700	29.973.131.198
31	11. Thu nhập khác		-	877.517.922	7.420.763.961	1.575.547.209
32	12. Chi phí khác		-	40.728.501	784.897.601	631.914.925
40	13. Lợi nhuận khác		-	836.789.421	6.635.866.360	943.632.284
60	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.095.439	23.998.485.589	53.978.748.060	30.916.763.482
61	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
62	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
70	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		115.095.439	23.998.485.589	53.978.748.060	30.916.763.482
80	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		-	-	-	-

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2010

Tổng giám đốc

Phạm Văn Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý III/2010

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2010	Quý trước
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		17.144.565.023	33.665.277.366
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(955.933.890)	(621.601.500)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động			
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(296.000)
05	5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp			
06	6. Tiền chi nộp Thuế GTGT			
07	7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.142.026	76.656
08	8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.643.137.980)	(19.681.760.985)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.444.364.821)	13.361.695.537
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.582.562.826)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các T/sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			983.010.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		294.500	2.161.500
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.582.268.326)	985.171.500
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		7.955.933.890	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.555.850.000)	(2.564.765.000)
35	5. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư			
36	6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
37	7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.400.083.890	(2.564.765.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.626.549.257)	11.782.102.037
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.237.517.144	2.455.415.107
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.610.967.887	14.237.517.144

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2010
Tổng giám đốc

Phạm Văn Phú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/09/2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội- Quận Ngô Quyền- TP Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Tập đoàn là: 500.002.510.000 VND (Năm trăm tỷ hai triệu năm trăm mười nghìn đồng). Tương đương 50.000.251 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hapaco tại Hà Nội
- Nhà máy giấy Hải Phòng

Địa chỉ

- Số 462 Minh Khai - Hà Nội
- Xã Đại Bản, huyện An Dương, Hải Phòng

Các công ty con:

Tên đơn vị

- 1- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu
- 2- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn
- 3- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc
- 4- Công ty Cổ phần Hải Hà
- 5- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P
- 6- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông
- 7- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco
- 8- Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng

Địa chỉ

- Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Số 638 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

Tên đơn vị

- 1- Công ty Cổ phần HAP - REE
- 2- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán HAPACO
- 3- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng

Địa chỉ

- Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Số 11 Trần Hưng Đạo- Hà Nội
- Hải Phòng

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;

- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: in giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 05-10 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là 500.002.510.000 đồng. Tại thời điểm 30/09/2010 thì Vốn đầu tư của chủ sở hữu mới thực góp là 186.516.780.000 đồng.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong vòng 05 năm tiếp theo.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Từ tháng 4 năm 2009, Tập đoàn không thực hiện sản xuất kinh doanh mà bàn giao toàn bộ tài sản và công nợ cho Công ty con là Công ty TNHH Phương Đông và Công ty Cổ phần H.P.P. Do đó, Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn (Công ty mẹ) không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn bán hàng trong sáu tháng đầu năm 2010.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	309.599.264	120.428.341
Tiền gửi ngân hàng	1.301.368.623	2.939.702.598
Cộng	1.610.967.887	3.060.130.939

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	967.363.842	4.143.200.000
- Đầu tư chứng khoán niêm yết	967.363.842	3.176.200.000
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (*)	-	967.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	37.681.278.053	37.681.278.053
- Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán HAPACO	30.327.500.000	30.327.500.000
- Công ty cổ phần TMDV Hải Phòng	7.353.778.053	7.353.778.053
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(297.442)	(2.118.638.000)
Cộng	38.648.344.453	39.705.840.053

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu về BHXH	164.193.648	42.497.508
Phải thu khác	58.199.890.144	20.950.520.304
- Phải thu ông Hoàng Văn Vịnh	9.671.329.432	9.671.329.432
- Công ty Điện máy Hải Phòng	5.075.185.099	5.075.185.099
- Công ty cổ phần TMDV Hải Phòng	1.415.611.759	1.390.611.759
- Phụ cấp phải thu HDQT tập đoàn	3.129.446.300	3.129.446.300
- Phải thu Công ty Dệt May Hapaco	9.927.181.970	-
- Phải thu từ Công ty CP HAPACO Đông Bắc	1.436.203.600	-
- Phải thu từ Công ty CP HAPACO Hải Âu	1.354.900.000	-
- Phải thu từ Công ty CP Hải Hà	2.480.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	23.710.031.984	1.683.947.714
Cộng	58.364.083.792	20.993.017.812

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Hàng hoá	7.572.304.660	11.809.595.201
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.572.304.660	11.809.595.201

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	200.000.000	200.000.000
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Số tăng trong năm	30.000.000	30.000.000
- Trích khấu hao	30.000.000	30.000.000
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	30.000.000	30.000.000
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Cuối năm	170.000.000	170.000.000

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	60.875.521.466	40.682.403.627
- Dự án nhà máy lọc dầu tại Đình Vũ	15.267.268.061	15.267.268.061
- Dự án nhà máy giấy Hải Hà	3.116.844.595	3.116.844.595
- Dự án khu công nghiệp Trảng Cát	5.050.782.919	5.050.782.919
- Dự án bệnh viện phụ sản	37.328.905.891	17.135.788.052
- Dự án điện Phiêng Côn	100.000.000	100.000.000
- Các dự án khác (Công ty CP HAP-REE)	11.720.000	11.720.000
Cộng	60.875.521.466	40.682.403.627

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	321.918.236.187	365.168.236.187
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	6.774.500.000	6.774.500.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	10.541.656.000	10.541.656.000
- Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	-	22.250.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Tài Chính Hapaco	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	-	21.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	24.462.914.000	24.462.914.000
- Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	5.523.855.039	5.523.855.039
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	10.984.455.931	10.984.455.931
- Công ty Cổ phần H.P.P	155.630.855.217	155.630.855.217

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội- Quận Ngô Quyền- TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/09/2010

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	67.605.005.000	56.355.005.000
- Công ty Cổ phần HAP-REE	1.470.000.000	1.470.000.000
- Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng	57.885.005.000	54.885.005.000
- Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán HAPACO	8.250.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	25.624.251.523	25.624.251.523
- Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
- Công ty Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(10.000.827.794)	(36.714.732.780)
Cộng	405.146.664.916	410.432.759.930

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Hải Phòng	52,54%	52,54%	Sản xuất giấy, kinh doanh vật tư, thiết bị
2- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Yên Bái	86,65%	86,65%	Sản xuất giấy
3- Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Đầu tư chứng khoán
4- Công ty Cổ phần TM dịch vụ Hải Phòng	Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ
5- Công ty Cổ phần Hải Hà	Hà Giang	61,54%	61,54%	Sản xuất giấy
6- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng, sản xuất bột giấy
7- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất bột giấy
8- Công ty Cổ phần HPP	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2010 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần HAP-REE	Hải Phòng	49,00%	49,00%	Xây dựng; KD máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	30,00%	30,00%	Khai thác cát, đá, sỏi; KD Xđầu, khách sạn
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán HAPACO	Hà Nội	33,00%	33,00%	Quản lý, đầu tư chứng khoán

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2010	01/01/2010	VND
	VND		
Vay ngắn hạn	8.202.263.738	2.246.329.848	
- Vay ngân hàng	8.202.263.738	2.246.329.848	
- Vay đối tượng khác	-	-	
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	1.587.084.108	9.656.894.000	
- Ngân hàng NN và PTNT Hải Phòng	1.587.084.108	9.580.494.000	
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	-	76.400.000	
Cộng	9.789.347.846	11.903.223.848	

Các khoản vay ngắn hạn						<i>Đơn vị tính: VND</i>
Hợp đồng	Lãi suất (% năm)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm	
NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	14%	3 tháng	7.955.933.890	7.955.933.890	Thế chấp bằng tài sản	
NH Nông nghiệp PTNT Hải Phòng						
Cộng			7.955.933.890	7.955.933.890		

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2010	01/01/2010	VND
	VND		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	423.404.470		423.404.470
Thuế Thu nhập cá nhân	128.392.900		30.090.000
Các loại thuế khác	219.203.323		327.876.258
Cộng	771.000.693		781.370.728

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2010	01/01/2010	VND
	VND		
Trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	79.859.495		14.193.548
Trích trước chi phí kiểm toán	-		180.000.000
Cộng	79.859.495		194.193.548

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2010	01/01/2010	VND
	VND		
Kinh phí công đoàn	25.086.619		25.086.619
Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.732.127.487		95.131.238.441
- Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	14.333.200.000		17.685.200.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	-		14.863.697.930
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	19.378.608.229		17.972.516.307
- Công ty TNHH Đầu Tư Tài chính Hapaco	16.168.902.685		14.938.859.914
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	14.034.440.213		12.771.164.476
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	1.250.500.000		1.300.000.000
- Công ty Cổ phần H.P.P	9.041.830.027		2.581.239.602
- Công ty XNK và XD Bạch Đằng	817.093.500		817.093.500
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	2.142.172.745		-
- Phải trả Công ty CP H.P.P do bàn giao nhà máy giấy	11.533.165.958		11.556.904.488
- Phải trả khác của chi nhánh Hapaco tại Hà Nội	-		644.562.224
- Phải trả phải nộp khác	32.214.130		-
Cộng	88.757.214.106		95.156.325.060

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/09/2010	01/01/2010	VND
	VND		
Vay dài hạn	2.395.123.500	2.395.123.500	
- Vay ngân hàng	2.395.123.500	2.395.123.500	
Cộng	2.395.123.500	2.395.123.500	

Các khoản vay dài hạn *Đơn vị tính: VND*

Hợp đồng	Lãi suất (% năm)	Thời hạn	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm
03.07.015/HĐTD NH NN & PTNT TP HP	5%	84 tháng	3.982.207.608	1.587.084.108	Thế chấp bằng tài sản
Cộng			3.982.207.608	1.587.084.108	

Theo hợp đồng tín dụng số 03.07.015/HĐTD ngày 28 tháng 05 năm 2003, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền trên đất tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	169.718.410.000	264.580.918.671	(4.570.790.000)	-	44.271.598.932	4.528.042.732	(78.045.502.105)	400.482.678.230
Tăng vốn trong năm trước	16.798.370.000	-	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	24.972.166.283	24.972.166.283
Tăng khác	-	-	-	(545.604.588)	-	-	312.906	(545.291.682)
Giảm vốn trong năm trước	-	16.798.370.000	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Số dư đầu kỳ	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.570.790.000)	(545.604.588)	44.271.598.932	4.528.042.732	(53.073.022.916)	424.909.552.831
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	53.978.748.060	53.978.748.060
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(545.604.588)	-	-	-	(545.604.588)
Số dư cuối cuối kỳ	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.570.790.000)	-	44.271.598.932	4.528.042.732	905.725.144	479.433.905.479

b) Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.651.678
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.651.678
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.496.208
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.496.208
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000

c) Các quỹ công ty

	30/09/2010 VND	01/01/2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	44.271.598.932	44.271.598.932
Quỹ dự phòng tài chính	4.528.042.732	4.528.042.732
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	48.799.641.664	48.799.641.664

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2010	Quý 3/2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.001.065	14.222.454
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.750.000	1.016.175.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.595.984	-
Cộng	141.347.049	1.030.397.454

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3/2010	Quý 3/2009
Lãi tiền vay	-	251.227.009
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư (*)	-	(23.767.777.128)
Chi phí tài chính khác	-	153.725.919
Cộng	-	(23.362.824.200)

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quý 3/2009
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Công ty Cổ phần Hải Âu	Công ty con	-
- Công ty Cổ phần Đông Bắc	Công ty con	-
- Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con	-
Chi phí tài chính		
- Công ty Hapaco Phương Đông	Công ty con	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quý 3/2009
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán HP	Công ty liên kết	30.327.500.000
- Công ty cổ phần TMDV Hải Phòng vay	Công ty con	7.353.778.053
Phải thu		
- Công ty cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	1.415.611.759
- Phải thu Công ty CP HAPACO Hải Âu	Công ty con	1.354.900.000
- Phải thu Công ty CP HAPACO Đông Bắc	Công ty con	1.436.203.600
- Phải thu Công ty CP HAPACO Hải Hà	Công ty con	2.480.000.000
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	12.000.000.000
Phải trả		
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Công ty con	19.378.608.229
- Công ty TNHH Đầu Tư Tài chính Hapaco	Công ty con	16.168.902.685
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Công ty con	14.034.440.213
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Công ty con	1.250.500.000
- Công ty Cổ phần H.P.P	Công ty con	9.041.830.027

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét. Trong 3 tháng đầu năm 2009 Tập đoàn có thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ tháng 04 năm 2009, Tập đoàn không thực hiện sản xuất kinh doanh mà bàn giao toàn bộ tài sản và công nợ cho Công ty con là Công ty TNHH Hapaco Phương Đông và Công ty Cổ phần H.P.P.

Kế toán trưởng

Hải Phòng ngày 15 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú